TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2018
"Về việc ly hôn, nuôi con, chia tài sản và đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hiển
2. Bà Nguyễn Thị Diền

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thanh Thúy - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc *"Ly hôn, nuôi con, chia tài sản và đòi tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp C, xã V, huyện V, tỉnh K; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Văn Đ, địa chỉ ấp CĐ, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.
2. Ông Trịnh Tài C, địa chỉ ấp CĐ3, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị N, địa chỉ ấp CĐ2, xã V, huyện V, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Võ Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn theo phong tục tập quán vào năm 2002, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L có quan hệ bất chính với người khác, thường bỏ nhà đi khoảng 1 đến 2 tháng mới về, sự việc kéo dài nhiều năm. Nay chị P xin ly hôn với anh L. Về con chung: Có 2 con chung là cháu Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 11/01/2003 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/8/2004, hiện 2 con chung đang sống với chị P. Con đã trên 7 tuổi nên nếu con có ý kiến theo chị thì chị nuôi, chị không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi phần đất diện tích 12.690 m^2 tọa lạc ấp CĐ2, xã V, huyện V, tỉnh K; Tiền góp vốn xoay vòng (hụi) 2 dây do bà Nguyễn Thị N làm chủ, đã đóng được 28.000.000 đồng, chị P yêu cầu anh L giao lại 14.000.000 đồng và tiếp tục chơi 2 dây hụi này; yêu cầu anh L giao lại 16.000.000 đồng tiền hụi; yêu cầu chia đôi số tiền đã đóng bảo hiểm nhân thọ cho con là 44.824.800 đồng. Về nợ: Vợ chồng chị có nợ ông Võ Văn Đ 15.000.000 đồng, chị yêu cầu chia đôi số nợ; Ông Trịnh Tài C có nợ vợ chồng số tiền là 48.000.000 đồng, yêu cầu ông C trả sau đó vợ chồng chia đôi.

Ngày 13/3/2018 chị P rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung và phần nợ đối với ông C.

Tại bản tự khai đề ngày 16/3/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị P kết hôn năm 2002, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng chỉ có mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm. Nay chị P xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn; Về con chung: Nếu con theo anh L thì anh L nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng; Về tài sản chung: Chị P rút yêu cầu chia tài sản chung anh thống nhất, không có yêu cầu gì; Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông Võ Văn Đ 15.000.000 đồng, anh thống nhất chia đôi số nợ; Ông Trịnh Tài C có nợ số tiền 48.000.000 đồng, anh không có yều ông C trả.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày: Ông không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Tài C trình bày: Ông không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà không yêu cầu gì trong vụ kiện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh L sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002. Việc sống chung của anh chị không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn nhưng việc anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị P yêu cầu ly hôn, anh L đồng ý ly hôn. Do đó HĐXX áp dụng Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị P và anh Nguyễn Văn L.

[2] Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 11/01/2003 và cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/8/2004, hiện 2 con chung đang sống với chị P.Về nguyện vọng các con: cháu Nh có nguyện vọng sống với chị P, cháu N có nguyện vọng sống với anh L, anh L và chị P cũng thống nhất nên HĐXX áp dụng Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thống nhất giao cháu Nh cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng: Anh L và chị P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị P xin rút yêu cầu chia tài sản chung, anh L không có yêu cầu gì nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của chị P.

[5] Về nợ: Chị P có khai nợ tiền của ông Võ Văn Đ nhưng ông Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Đối với yêu cầu đòi tài sản của chị P với ông Trịnh Tài C để vợ chồng chia tài sản chung: chị P xin rút yêu cầu nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu này của chị P.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị P là Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005490 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho chị Võ Thị P số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0005492 ngày 12/01/2018, số tiền tạm ứng án phí 5.150.000 đồng theo

biên lai thu số 0005491 ngày 12/01/2018 (các biên lai đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 244, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị P và anh Nguyễn Văn L.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Nh, sinh ngày 11/01/2003 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng (cháu hiện đang sống với chị P) và giao cháu Nguyễn Chí N, sinh ngày 10/8/2004 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng (cháu hiện đang sống với chị P nên buộc chị P có nghĩa vụ giao con cho anh L). Chị P, anh L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị Võ Thị P đối với anh Nguyễn Văn L.

4- Đình chỉ yêu cầu đòi tài sản của chị P đối với ông Trịnh Tài C.

5- Về án phí: Chị P là Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005490 ngày 12/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Hoàn trả cho chị Võ Thị P số tiền tạm ứng án phí 1.200.000 đồng theo biên lai thu số 0005492 ngày 12/01/2018, số tiền tạm ứng án phí 5.150.000 đồng theo biên lai thu số 0005491 ngày 12/01/2018 (các biên lai đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận**:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- Các đương sự
- UBND xã Vĩnh Phong;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kiều Diễm